

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2024/DS-PT
Ngày 03 - 6 - 2024
“V/v tranh chấp hợp đồng
góp hụi và vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Huỳnh Đức Dương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hoàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:** Ông Thạch Vũ, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2024/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 57/2024/QĐXXPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2024/QĐPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lai Thị M, sinh năm 1960; nơi cư trú Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lai Thị M: Luật sư Nguyễn Thanh H – Văn phòng luật sư Thanh H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Bị đơn:

1/ Bà Châu Thúy K, sinh năm 1968; (có mặt)

2/ Ông Châu Minh P, sinh năm 1936; (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Châu Thúy K và ông Châu Minh P: Luật sư Phạm Minh L – Văn phòng luật sư Minh L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt)

3/ Bà Trịnh Huệ H, sinh năm 1946 (chết).

Cùng nơi cư trú Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- **Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Trịnh Huệ H gồm:**

1/ Ông Châu Minh P, sinh năm 1936; nơi cư trú Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (chồng bà H) (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2/ Bà Châu Thúy A, sinh năm 1963; nơi cư trú cuối cùng Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (con bà H). (vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

3/ Bà Châu Thúy K, sinh năm 1968; nơi cư trú Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (con bà H). (có mặt)

4/ Bà Châu Kim I, sinh năm 1973; nơi cư trú ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh (con bà H). (vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

5/ Ông Châu A L, sinh năm 1976; nơi cư trú Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (con bà H). (vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

6/ Ông Châu Sác K, sinh năm 1970; nơi cư trú Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (con bà H). (vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

7/ Ông Châu Much Ta Ph, sinh năm 1979; nơi cư trú Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (con bà H). (vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

8/ Ông Châu Vô S; nơi cư trú ấp B, xã O, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (con bà H). (vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

9/ Bà Châu Minh Th, sinh năm 1983; nơi cư trú cuối cùng Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (con bà H). (vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

Người kháng cáo: ông Châu Minh P và bà Châu Thúy K là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2020 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lai Thị M trình bày:

1. Về phần tiền hụi và tiền vay của vợ chồng ông Châu Minh P, bà Trịnh Huệ H: Giữa bà và vợ chồng ông Châu Minh P, bà Trịnh Huệ H là bạn bè thân quen với nhau mấy chục năm qua, cùng tham gia chơi hụi nhiều năm, vợ chồng ông P, bà H rất uy tín, vì vậy bà rất tin tưởng vợ chồng ông P, bà H nên đã cho vợ chồng ông P, bà H tham gia chơi nhiều dây hụi (do bà làm đầu thảo) và vay tiền cụ thể như sau:

- Về tiền hụi:

+ Dây hụi 50.000.000 đồng khai ngày 04/11/2017 âm lịch (được viết tắt AL) có 28 hụi viên tham gia (loại hụi tháng). Ông P, bà H tham gia 01 chân hốt vào lần khai thứ 6 ngày 04/4/2018 (AL), sau khi hốt hụi vợ chồng ông P, bà H có đóng lại hụi chết đến lần thứ 15 ngày 04/01/2019 (AL), sau đó ngưng đóng. Tính đến ngày mãn hụi vợ chồng ông P, bà H còn nợ 13 lần hụi chết, tương ứng số tiền 650.000.000 đồng.

+ Dây hụi 30.000.000 đồng khai ngày 25/7/2017 (AL) có 30 hụi viên tham gia (loại hụi tháng). Ông P, bà H tham gia 02 chân. Hốt chân thứ nhất vào lần khai thứ 18 ngày 25/5/2018 (AL) sau đó ngưng đóng. Tính đến ngày mãn hụi chân thứ nhất nợ 12 lần hụi chết, tương ứng số tiền 360.000.000 đồng; Hốt chân thứ hai vào lần khai thứ 22 ngày 25/4/2019 (AL) hốt chân này bị cản trừ 717.400.000 đồng sau đó ngưng đóng hụi chết. Tính đến ngày mãn hụi chân thứ hai còn nợ 08 lần hụi chết, tương ứng số tiền còn nợ 240.000.000 đồng. Tổng cộng hai chân hụi ông P, bà H còn nợ số tiền 600.000.000 đồng.

+ Dây hội 20.000.000 đồng khai ngày 12/5/2018 (AL) có 24 hội viên tham gia (loại hội tháng). Ông P, bà H tham gia 02 chân. Hốt chân thứ nhất vào lần khai đầu ngày 12/5/2018 (AL), đóng lại hội chết đến lần thứ 9 ngày 12/01/2019 (AL) sau đó ngưng đóng. Tính đến ngày mãn hội còn nợ 15 lần hội chết, tương ứng số tiền bằng 300.000.000 đồng; Hốt chân thứ hai vào lần khai thứ 2 ngày 12/6/2018, đóng lại hội chết đến lần thứ 9 ngày 12/01/2019 (AL) sau đó ngưng đóng. Tính đến ngày mãn hội còn nợ 15 lần hội chết, tương ứng số tiền bằng 300.000.000 đồng. Tổng cộng 02 chân hội ông P, bà H còn nợ số tiền 600.000.000 đồng.

+ Dây hội 10.000.000 đồng khai ngày 15/12/2016 (AL) có 30 hội viên tham gia (loại hội tháng). Ông P, bà H tham gia 02 chân. Hốt lần thứ nhất xong đóng lại hội chết cho đến khi mãn hội; Hốt lần thứ 2 vào lần khai thứ 27 ngày 15/01/2019 (AL), hốt xong sau đó ngưng đóng. Tính đến ngày mãn hội ông P, bà H còn nợ 03 lần hội chết, tương ứng số tiền 30.000.000 đồng.

+ Dây hội 10.000.000 đồng khai ngày 12/4/2017 (AL) có 29 hội viên tham gia (loại hội tháng). Ông P, bà H tham gia 02 chân. Hốt chân thứ nhất vào lần khai thứ 5 ngày 12/7/2017 (AL), hốt xong đóng lại hội chết đến lần thứ 23 ngày 12/01/2019 (AL) sau đó ngưng đóng. Tính đến ngày mãn hội còn nợ 06 lần hội chết, tương ứng số tiền bằng 60.000.000 đồng; Hốt chân thứ hai vào lần khai thứ 7 ngày 12/9/2017 (AL), hốt xong đóng lại hội chết đến lần thứ 23 ngày 12/01/2019 (AL) sau đó ngưng đóng. Tính đến ngày mãn hội chân thứ 2 còn nợ 06 lần hội chết, tương ứng số tiền bằng 60.000.000 đồng. Tổng cộng 02 chân hội ông P, bà H còn nợ số tiền 120.000.000 đồng.

+ Dây hội 10.000.000 đồng khai ngày 20/11/2017 (AL) có 30 hội viên tham gia (loại hội tháng). Ông P, bà H tham gia 02 chân. Hốt chân thứ nhất vào lần khai thứ 8 ngày 20/6/2018 (AL), hốt xong đóng lại hội chết đến lần thứ 16 ngày 20/02/2019 (AL) sau đó ngưng đóng. Tính đến ngày mãn hội chân thứ nhất còn nợ 14 lần hội chết, tương ứng số tiền bằng 140.000.000 đồng; Hốt chân thứ hai vào lần khai thứ 11 ngày 20/9/2018 (AL), hốt xong đóng lại hội chết đến lần thứ 16 ngày 20/02/2019 (AL) sau đó ngưng đóng. Tính đến ngày mãn hội chân thứ 2 còn nợ 14 lần hội chết, tương ứng số tiền bằng 140.000.000 đồng. Tổng cộng 02 chân hội ông P, bà H còn nợ số tiền 280.000.000 đồng.

+ Dây hội 10.000.000 đồng khai ngày 25/6/2017 (AL) có 29 hội viên tham gia (loại hội tháng). Ông P, bà H tham gia 03 chân. Hốt chân thứ nhất vào lần khai thứ 05 ngày 25/9/2017 (AL), hốt xong đóng lại hội chết đến lần thứ 21 ngày 25/01/2019 (AL) sau đó ngưng đóng. Tính đến ngày mãn hội chân thứ nhất còn nợ 08 lần hội chết, tương ứng số tiền bằng 80.000.000 đồng; hốt chân thứ hai vào lần khai thứ 08 ngày 25/12/2017 (AL), hốt xong đóng lại hội chết đến lần thứ 21 ngày 25/01/2019 (AL) sau đó ngưng đóng. Tính đến ngày mãn hội chân thứ 2 còn nợ 08 lần hội chết, tương ứng số tiền bằng 80.000.000 đồng; hốt chân thứ ba vào lần khai thứ 10 ngày 25/02/2018 (AL), hốt xong đóng lại hội chết đến lần thứ 21 ngày 25/01/2019 (AL) sau đó ngưng đóng. Tính đến ngày mãn hội chân thứ 3 còn nợ 08 lần hội chết, tương ứng số tiền bằng 80.000.000 đồng. Tổng cộng 03 chân hội ông P, bà H còn nợ số tiền 240.000.000 đồng.

Tổng các khoản hụi trên vợ chồng ông P, bà H còn nợ bà bằng 2.520.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm hai mươi triệu đồng), nhưng bà đã căn trừ ông P, bà H 01 chân hụi 30.000.000 đồng (khui ngày 25/7/2017) với số tiền 717.400.000 đồng nên hiện nay ông P, bà H còn nợ tổng số tiền bằng 1.802.600.000 đồng (một tỷ tám trăm lẻ hai triệu sáu trăm ngàn đồng). Do tin tưởng lẫn nhau nên lúc giao tiền hụi bà không có làm biên nhận giao tiền (vì từ trước đến giờ vẫn giao như vậy), nhưng bà có ghi âm lại việc vợ chồng ông P, bà H thừa nhận tiền hụi.

- **Về tiền vay:** Từ ngày 02/5/2018 (AL) đến ngày 20/5/2018 (AL) bà đã cho vợ chồng ông P, bà H vay 06 lần với số tiền 1.000.000.000 đồng, khi vay bà H có ký biên nhận nợ. Quá trình vay bà H đã trả được số tiền 500.000.000 đồng, còn lại số tiền 500.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Bà đã nhiều lần gặp mặt yêu cầu vợ chồng ông P, bà H trả tiền, nhưng vợ chồng ông P, bà H cứ hẹn mà không trả cho bà số tiền hụi, tiền vay như đã cam kết. Vì vậy, nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết buộc vợ chồng ông P, bà H có nghĩa vụ trả cho bà tổng số tiền bằng 2.302.600.000 đồng (hai tỷ ba trăm lẻ hai triệu sáu trăm ngàn đồng). Trong đó, tiền hụi 1.802.600.000 đồng và tiền vay 500.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

2/ *Về phần tiền hụi của bà Châu Thúy K: Giữa bà với bà Châu Thúy K (con của bà Trịnh Huệ H, ông Châu Minh P) vốn quen biết nhau từ trước, nên khi bà Châu Thúy K nói muốn tham gia chơi hụi (do bà làm đầu thảo) vốn tin tưởng nên bà đồng ý cho bà K tham gia các dây hụi cụ thể như sau:*

+ Dây hụi mệnh giá 50.000.000 đồng khui ngày 04/11/2017 (AL) có 28 hụi viên tham gia (loại hụi tháng). Bà K tham gia 01 chân, hốt vào lần khui thứ 9 ngày 04/7/2018 (AL), sau khi hốt đóng lại hụi chết đến lần thứ 18 ngày 04/04/2019 (AL) sau đó ngưng đóng. Tính đến ngày mãn hụi còn nợ 10 lần hụi chết, tương ứng số tiền 500.000.000 đồng.

+ Dây hụi mệnh giá 30.000.000 đồng khui ngày 20/10/2018 (AL) có 25 hụi viên tham gia (loại hụi tháng). Bà K tham gia 01 chân, hốt vào lần khui thứ 7 ngày 20/4/2019 (AL) hốt xong ngưng đóng. Tính đến ngày mãn hụi còn nợ 18 lần hụi chết, tương ứng số tiền 540.000.000 đồng.

+ Dây hụi mệnh giá 30.000.000 đồng khui ngày 25/7/2017 (AL) có 30 hụi viên tham gia (loại hụi tháng). Bà K tham gia 01 chân, hốt vào lần khui thứ 14 ngày 25/8/2018 (AL), sau khi hốt đóng lại hụi chết đến lần thứ 22 ngày 25/4/2019 (AL) sau đó ngưng đóng. Tính đến ngày mãn hụi còn nợ 08 lần hụi chết, tương ứng số tiền 240.000.000 đồng.

+ Dây hụi mệnh giá 10.000.000 đồng khui ngày 12/4/2017 (AL) có 29 hụi viên tham gia (loại hụi tháng). Bà K tham gia 02 chân, hốt chân thứ nhất vào lần khui thứ 8 ngày 12/10/2017 (AL), đóng lại hụi chết đến lần thứ 26 ngày 12/4/2019 (AL) sau đó ngưng đóng. Tính đến ngày mãn hụi còn nợ 03 lần hụi chết, tương ứng số tiền 30.000.000 đồng; hốt chân thứ hai vào lần khui thứ 9 ngày 12/11/2017 (AL), đóng lại hụi chết đến lần thứ 26 ngày 12/4/2019 (AL) sau đó ngưng đóng. Tính đến ngày mãn hụi còn nợ 03 lần hụi chết, tương ứng số tiền 30.000.000 đồng. Tổng cộng hai chân hụi còn nợ 06 lần hụi chết, tương ứng số tiền 60.000.000 đồng.

+ Dây hội mệnh giá 10.000.000đồng khai ngày 20/11/2017 (AL) có 30 hội viên tham gia (loại hội tháng). Bà K tham gia 01 chân, hót vào lần khai thứ 7 ngày 20/5/2018 (AL), sau đó đóng lại hội chết đến lần thứ 19 ngày 20/5/2019 (AL) thì ngưng đóng. Tính đến ngày mãn hội còn nợ 11 lần hội chết, tương ứng số tiền 110.000.000 đồng.

Trong 05 dây hội nêu trên thì chỉ có dây hội mệnh giá 10.000.000 đồng khai ngày 20/11/2017 (AL) thì bà Châu Thúy K trực tiếp tham gia từ đầu và bà ghi tên trong danh sách hội viên là “K”, địa chỉ “T”; còn 04 dây hội còn lại là do bà Trịnh Huệ H là mẹ của bà K tham gia dùm cho bà K, trong danh sách hội viên 04 dây hội này bà ghi tên “Thím Ba” hoặc “Thiêm Ba Lê Mane”, địa chỉ “T”. Đối với 04 dây hội này ban đầu bà không biết bà Trịnh Huệ H tham gia dùm cho bà Châu Thúy K, vì mỗi lần đóng hội đều do bà H trực tiếp đóng hội cho bà cho đến tháng 01/2019 (AL) khi bà H ngưng đóng hội thì bà Châu Thúy K mới đứng ra nhận 04 dây hội nêu trên là của bà K nhờ bà Trịnh Huệ H tham gia dùm và từ đó bà K là người trực tiếp đóng các phần hội đã chết. Tổng các dây hội trên bà K còn nợ số tiền 1.450.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng), do tin tưởng nhau nên lúc giao hội bà không có làm biên nhận giao tiền, vì từ trước đến giờ vẫn giao như vậy, nhưng bà có ghi âm lại việc bà K thừa nhận tiền hội.

Ngoài ra, bà còn cho bà K tham gia góp hội ngày (hội 100.000đ/ngày) do bà làm đầu thảo, bà K đã hót các dây hội cụ thể như sau:

+ Ngày 03/12/2018 bà K hót 20 chân được 200.000.000 đồng, mỗi ngày đóng lại 2.000.000 đồng, khi bà K ngưng đóng còn lại 30 ngày với số tiền 60.000.000 đồng.

+ Ngày 17/12/2018 bà K hót 10 chân được 100.000.000 đồng, mỗi ngày đóng lại 1.000.000 đồng, khi bà K ngưng đóng còn nợ lại 40 ngày với số tiền 40.000.000 đồng.

+ Ngày 26/12/2018 bà K hót 10 chân được 100.000.000 đồng, mỗi ngày đóng lại 1.000.000 đồng, khi bà K ngưng đóng còn nợ lại 40 ngày với số tiền 40.000.000 đồng.

+ Ngày 21/01/2019 bà K hót 20 chân được 200.000.000 đồng, mỗi ngày đóng lại 2.000.000 đồng, khi bà K ngưng đóng còn nợ lại 80 ngày với số tiền 160.000.000 đồng.

+ Ngày 18/02/2019 bà K hót 10 chân được 100.000.000 đồng, mỗi ngày đóng lại 1.000.000 đồng, hót xong bà K không đóng lại ngày nào nên bà K còn nợ lại 100 ngày với số tiền 100.000.000 đồng.

Phần các dây hội ngày bà K còn nợ là 400.000.000 đồng, tuy không làm biên nhận nhưng bà có ghi âm lại cuộc điện thoại giữa bà với bà K, trong cuộc điện thoại bà K thừa nhận nhận tiền, nên trong đơn khởi kiện bà ghi ngày 18/02/2019 bà có cho bà K vay số tiền 400.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà bà K còn nợ trong các dây hội tháng và các dây hội ngày là 1.850.000.000đ (một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng). Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Châu Thúy K phải trả cho bà số tiền còn nợ bằng 1.850.000.000đ (một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng), trong đó, số tiền hội tháng bằng 1.450.000.000 đồng và tiền hội ngày bằng 400.000.000 đồng.

Theo bản tự khai ngày 11/6/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 12/6/2020 bị đơn bà Trịnh Huệ H trình bày: Trước đây, bà có tham gia (góp hụi) chơi hụi của bà M khoảng thời gian rất lâu rồi, bà không nhớ cụ thể ngày. Gồm 02 dây hụi bao gồm 04 chân (phần), trong đó 03 phần chết, 01 phần sống, rồi sau đó bà M trừ hết 01 phần sống qua 03 phần chết (đã trừ hết và thanh toán xong khi hụi mãn). Sau đó bà không còn tham gia những dây hụi khác và không còn liên quan với nhau về chuyện tiền bạc với bà M. Còn đối với yêu cầu của bà M cho rằng bà có thiếu tiền vay của bà M 500.000.000 đồng thì bà hoàn toàn không biết bà có vay tiền của bà M khi nào. Bà mù chữ, từ nhỏ không được đi học, không biết ký tên, chỉ biết lãn tay nên nếu bà M nói có biên nhận có chữ ký của bà là hoàn toàn vô lý. Do đó, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 08/02/2022 bà Trịnh Huệ H chết.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2020 và trong quá trình tố tụng bị đơn ông Châu Minh P trình bày: Ông không từng chơi hụi của bà M, cũng không từng vay tiền của bà M, ông chỉ nghe vợ ông (bà H) nói có tham gia chơi hụi chung với bà M nhưng bị bà M trừ hết tiền khoảng 800.000.000đ, còn vợ ông tham gia hụi bà M mấy dây ông không biết. Khi nghe vợ ông nói dùng tiền bán đất để chơi hụi với bà M thì ông mới biết. Từ trước đến nay bà M không từng đến nhà hoặc điện thoại đòi tiền ông.

- Theo bản tự khai ngày 01/6/2020, biên bản lấy lời khai ngày 01/4/2021 và quá trình tố tụng bị đơn bà Châu Thúy K trình bày: Trước đây bà không nhớ rõ năm nào có nhờ mẹ bà là bà Trịnh Huệ H chơi hụi của bà Lai Thị M hai dây hụi, mệnh giá 5.000.000 đồng hụi đã mãn nhiều năm và nghỉ chơi với nhau (bà đã thanh toán xong), nay phía bà M cho rằng bà còn thiếu tiền hụi của bà M là không đúng sự thật vì đã không còn chơi với nhau từ rất lâu. Riêng về phần tiền vay bà cũng không từng vay bất cứ số tiền nào của bà M. Do đó, việc bà M khởi kiện bà yêu cầu tiền hụi và tiền vay bà không đồng ý. Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2020 cho đến ngày bà M khởi kiện là ngày 26/5/2020 thì bà M không từng gặp bà hay điện thoại gì cho bà để đòi số tiền hụi hay tiền vay gì cả và từ trước đến nay bà không từng nói chuyện qua điện thoại với bà M, nên khẳng định giọng nói trong đoạn ghi âm do bà M cung cấp cho Tòa án không phải là giọng nói của bà. Trường hợp trong đoạn ghi âm mà bà M cung cấp là giọng nói của bà thì bà sẽ trả lại toàn bộ số tiền mà bà còn thiếu cho bà M.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lai Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Châu Minh P và bà Trịnh Huệ H có nghĩa vụ trả số tiền 2.302.600.000 đồng (hai tỷ ba trăm lẻ hai triệu sáu trăm ngàn đồng). Trong đó, tiền hụi 1.802.600.000 đồng và tiền vay 500.000.000 đồng. Yêu cầu bà Châu Thúy K trả số tiền hụi 1.850.000.000đ (một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng), trong này tiền vay là 400.000.000 đồng và tiền hụi là 1.450.000.000 đồng; bị đơn ông Châu Minh P không đồng ý theo yêu cầu của bà M và cho rằng ông không từng chơi hụi của bà M, cũng không từng vay tiền của bà M; bị đơn bà Châu Thúy K không đồng ý theo yêu cầu của bà M và cho rằng không từng chơi hụi của bà M, cũng không từng vay tiền của bà M.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lai Thị M về việc yêu cầu vợ chồng ông Châu Minh P và bà Trịnh Huệ H có nghĩa vụ trả số tiền 2.302.600.000 đồng (hai tỷ ba trăm lẻ hai triệu sáu trăm ngàn đồng). Trong đó, tiền hụi 1.802.600.000 đồng và tiền vay 500.000.000 đồng.

Buộc ông Châu Minh P và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Trịnh Huệ H gồm ông Châu Minh P, bà Châu Thúy A, bà Châu Kim I, bà Châu Thúy K, ông Châu A L, ông Châu Sác K, ông Châu Vô S, ông Châu Much Ta Ph, bà Châu Minh Th trong phạm vi di sản của bà H để lại phải liên đới trả cho bà Lai Thị M số tiền 2.302.600.000 đồng (hai tỷ ba trăm lẻ hai triệu sáu trăm ngàn đồng). Trong đó, số tiền hụi là 1.802.600.000 đồng (một tỷ tám trăm lẻ hai triệu sáu trăm ngàn đồng) và số tiền vay là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lai Thị M về việc yêu cầu bà Châu Thúy K trả số tiền hụi 1.850.000.000đ (một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc bà Châu Thúy K phải trả cho bà Lai Thị M số tiền 1.850.000.000đ (một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2021/QĐ-BPKCTT ngày 26/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện T về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 11 tháng 10 năm 2023, ông Châu Minh P và bà Châu Thúy K cùng là bị đơn trong vụ án kháng cáo:

Ông Châu Minh P yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lai Thị M về việc buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trịnh Huệ H phải trả số tiền 2.302.600 đồng (trong đó tiền hụi là 1.802.600.000 đồng, tiền vay là 500.000.000 đồng)

Bà Châu Thúy K yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lai Thị M về việc buộc bà phải trả số tiền hụi 1.850.000 đồng và buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trịnh Huệ H phải trả số tiền 2.302.600 đồng (trong đó tiền hụi là 1.802.600.000 đồng, tiền vay là 500.000.000 đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện; bị đơn ông Châu Minh P, bà Châu Thúy K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng

cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không ai bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ và việc thu thập tài liệu, chứng cứ không đúng với trình tự pháp luật quy định. Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, giao hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Châu Minh P và bà Châu Thúy K còn trong hạn pháp luật quy định, nội dung và hình thức đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Châu Minh P và bà Châu Thúy K, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Đối với yêu cầu bị đơn bà Trịnh Huệ H trả số tiền vay là 500.000.000 đồng: Bà H không thừa nhận việc vay tiền của bà M, không thừa nhận chữ ký trong biên nhận mà bà M cung cấp cho Tòa án và cho rằng bản thân mình không biết chữ, nhưng theo Kết luận giám định số 637 ngày 20/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh: chữ ký mang tên Tin Huệ H (Trịnh Huệ H) trên tờ biên nhận “Thiếu ba mượn tiền” (ký hiệu A) so với chữ ký của bà Trịnh Huệ H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 (hợp đồng tín dụng của bà Trịnh Huệ H đã ký tại Quỹ tín dụng thị trấn T) là do cùng một người ký ra. Điều này thể hiện lời trình bày của bà H cho rằng không biết chữ, không thừa nhận chữ ký của mình là không trung thực. Theo tờ biên nhận “Thiếu ba mượn tiền” thể hiện từ ngày 19/4/2018 (AL) đến ngày 20/5/2018 AL tổng số tiền giữa bà M và bà H giao dịch với nhau là 1.000.000.000 đồng, ở phần cuối tờ biên nhận nhận có nội dung “tôi có nhận tiền cô M” phần cuối tờ biên nhận bà Trịnh Huệ H có ký tên; bà H đã trả được số tiền 500.000.000 đồng, còn lại số tiền 500.000.000 đồng bà H chưa trả, do đó việc bà M yêu cầu bà H phải trả số tiền 500.000.000 đồng còn nợ là có cơ sở.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Lai Thị M yêu cầu bị đơn bà Trịnh Huệ H trả số tiền hụi chết còn nợ trong 07 dây hụi với số tiền 2.302.600.000 đồng. Quá trình tố tụng mặc dù phía bị đơn bà Trịnh Huệ H không thừa nhận tham gia các dây hụi như bà M trình bày nhưng tại bản tự khai ngày 11/6/2020 bà H trình bày trước đây bà có từng tham gia hai dây hụi của bà M, gồm 04 chân (04 phần), trong đó 03 chân chết và 01 chân sống. Sau đó bà M trừ chân sống qua 03 chân chết; tại biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm ông Châu Minh P cũng trình bày có nghe vợ ông (bà H) nói lại có tham gia

góp hụi (chơi hụi) với bà M nhưng bị bà M trừ hết tiền khoảng 800.000.000 đồng, còn việc vợ ông (bà H) tham gia mấy dây hụi thì ông không rõ. Lời trình bày của bà H và ông P là phù hợp với lời trình bày của bà M đã cân trừ 01 chân hụi của bà H trong dây hụi 30.000.000 đồng khai ngày 25/7/2017 số tiền 717.400.000 đồng; trong đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa vợ chồng bà H, ông P với bà M thì ông P cũng xác nhận nếu vợ ông (bà H) thiêu nợ sẽ bán đất để trả, đồng thời trong đoạn ghi âm bà H cũng kêu bà M yên tâm; điều này cũng phù hợp với xác nhận của các hụi viên có chứng kiến việc bà H có tham gia kêu hụi do bà M làm đầu thảo. Bên cạnh đó, quá trình giải quyết vụ án bà Lai Thị M có cung cấp tài liệu, chứng cứ là Tờ cam kết ngày 19/4/2020 thể hiện nội dung ông Châu A L (là con của bà Trịnh Huệ H) có cam kết nội dung sẽ đứng ra trả thay cho mẹ số tiền còn nợ bà Lai Thị M đối với 02 dây hụi ngày 4/11/2017 và 12/5/2018. Vì vậy, có cơ sở khẳng định việc bà H sự thật bà H có tham gia chơi hụi và còn nợ tiền hụi bà Lai Thị M.

Riêng đối với dây hụi 10.000.000 đồng mở ngày 15/12/2016 gồm 30 phần, bà H tham gia 02 phần, còn nợ hụi số tiền 30.000.000 đồng. Dây hụi này bà M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà H còn nợ 30.000.000 đồng cũng như tại phiên tòa hôm nay bà M thừa nhận Tòa án có giải thích về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh nhưng do sự việc đã quá lâu nên các hụi viên tham gia chơi hụi trong dây hụi này không còn nhớ để xác nhận cho bà. Xét thấy việc bà M khởi kiện cho rằng bà H còn nợ số tiền 30.000.000 đồng trong dây hụi này nên không có cơ sở chấp nhận.

Đối với các phần hụi trong 06 dây hụi còn lại mà bà H (hụi viên) tham gia bà H đều đã hốt nhưng bà H không tiếp tục đóng phần hụi chết cho chủ hụi (bà M) là đã vi phạm nghĩa vụ của thành viên đã lãnh hụi theo quy định tại Điều 17 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; phía bà M đã góp thay bà H các phần hụi (choàng hụi) cho các hụi viên còn lại đến kỳ mãn hụi nên việc bà M (đầu thảo hụi) yêu cầu bà H phải trả số tiền hụi chết còn nợ trong 06 dây hụi với số tiền 2.272.600.000 đồng là có cơ sở.

Tuy nhiên, hiện nay bà H đã chết nên những người thừa kế của bà H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ này của bà H trong phạm vi tài sản thừa kế của bà H để lại. Đối với ông P, mặc dù không trực tiếp tham gia góp hụi và vay tiền chung với bà H nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông P cũng thừa nhận khi bà H còn sống thì các khoản chi tiêu sinh hoạt hằng ngày của vợ chồng ông do bà H trực tiếp đảm nhận, trong đoạn ghi âm ông P thừa nhận giọng nói của ông và hứa sẽ trả nợ cho bà M, mặt khác ông P cũng là một trong những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H nên đối với các khoản nợ của bà H ông P cũng phải có trách nhiệm liên đới với bà H đối với khoản nợ trong đó có khoản nợ hụi và vay của bà M.

[2.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Lai Thị M yêu cầu bị đơn bà Châu Thúy K trả số tiền hụi 1.850.000.000 đồng, trong đó có 05 dây hụi tháng còn nợ số tiền 1.450.000.000 đồng và số tiền 400.000.000 đồng các dây hụi ngày. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa mặc dù phía bị đơn bà Châu Thúy K không thừa nhận có tham gia góp hụi do bà Lai Thị M làm đầu thảo, nhưng tại bản tự khai ngày 01/6/2020 bà K trình bày trước đây không nhớ rõ năm nào bà

có nhờ mẹ của bà là Trịnh Huệ H chơi hội (góp hội) của bà Lai Thị M hai dây hội đã mãn nhiều năm và thanh toán xong cho bà M. Điều này phù hợp với lời trình bày của bà M cho rằng trong 05 dây hội tháng thì chỉ có dây hội mệnh giá 10.000.000đ khai ngày 20/11/2017 (AL) thì bà Châu Thúy K trực tiếp tham gia từ đầu và bà ghi tên trong danh sách hội viên là “K”, địa chỉ “T”; còn 04 dây hội còn lại là do bà Trịnh Huệ H là mẹ của bà K tham gia dùm cho bà K, trong danh sách hội viên 04 dây hội này bà ghi tên “Thím Ba” hoặc “Thiểm Ba Lê Mane”, địa chỉ “T”. Đồng thời, bà K cũng cho rằng từ trước đến nay không từng nói điện thoại với bà M liên quan đến việc tham gia góp hội, tuy nhiên theo Kết luận giám định số 4857/C09B ngày 07/12/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thì giọng nói của người nữ xưng “con” trong file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của bà Châu Thúy K trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra và không phát hiện thấy có dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hội thoại trong file âm thanh mẫu cần giám định. Điều này chứng tỏ lời trình bày của bà K là không trung thực; tại biên bản lấy lời khai ngày 01/4/2021 bà K đã khai trường hợp đoạn ghi âm mà bà M cung cấp cho Tòa án thật sự là giọng nói của bà thì bà sẽ trả lại toàn bộ số tiền mà bà còn thiếu bà M; tại phiên tòa sơ thẩm, những người tham gia tố tụng và các đương sự đã được Hội đồng xét xử cho trực tiếp nghe đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà M với bà K, theo đó ở phần cuối đoạn ghi âm bà K thừa nhận còn nợ. Từ những căn cứ trên có cơ sở khẳng định việc bà K có tham gia góp các dây hội của bà M, đã hốt và còn nợ hội chết chưa đóng như bà M trình bày là đúng sự thật, bà K là thành viên đã lãnh hội (hốt hội) nhưng không tiếp tục góp phần hội đã hốt (hội chết) là đã vi phạm nghĩa vụ của thành viên hội; phía bà M đã góp thay bà K các phần hội (choàng hội) cho các hội viên còn lại đến kỳ mãn hội. Do đó, việc bà Lai Thị M yêu cầu bà Châu Thúy K trả số tiền 1.450.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với khoản tiền vay bà Lai Thị M yêu cầu bà Châu Thúy K trả số tiền vay còn nợ là 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Lai Thị M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc đòi lại số tiền vay 400.000.000 đồng là có căn cứ và hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay bà M cũng thừa nhận nội dung file ghi âm bà K chỉ thừa nhận có nợ nhưng không nói rõ cụ thể số tiền nợ bà M tiền vay là bao nhiêu. Vì vậy, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Châu Minh P và bà Châu Thúy K. Tuy nhiên, có sự điều chỉnh về số tiền buộc bị đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn trả cho nguyên đơn.

[4] Ngoài nội dung kháng cáo của các bị đơn, xét thấy quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót như sau: Việc thu thập tài liệu chứng cứ là dữ liệu điện tử không thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTT&TT-VKSNDTC-TANDTC ngày 10/9/2012 của Bộ Công an – Bộ Quốc phòng – Bộ Tư pháp – Bộ Thông tin và truyền thông – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Tòa án nhân dân Tối cao. Tuy nhiên, xét thấy ngoài chứng cứ là dữ liệu điện tử thì nguyên đơn còn cung cấp thêm biên nhận vay; Tòa án tiến hành xác minh đối với các hội viên cũng như

xác nhận của các hội viên đã thể hiện rõ bà H, bà K có tham gia chơi hội do bà M làm đầu thảo cũng như lời khai thừa nhận của bà H, bà K là có từng tham gia chơi hội do bà M làm đầu thảo nên cũng đủ căn cứ để xác định việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Ngoài ra, vụ án đã kéo dài nhiều năm; quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành giải thích cũng như ban hành quyết định yêu cầu các bên cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp nhưng các đương sự không còn cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Lai Thị M cũng trình bày bà không còn cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì, nội dung đoạn ghi âm cũng chỉ thể hiện được ông P, bà K có thừa nhận nợ nhưng không nói rõ số tiền nợ cụ thể là bao nhiêu. Vì vậy, xét thấy việc hủy án là không cần thiết nên Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm đối với số tiền buộc bị đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trả cho nguyên đơn.

Bên cạnh đó, Bản án sơ thẩm buộc ông Châu Minh P và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Trịnh Huệ H gồm ông Châu Minh P, bà Châu Thúy A, bà Châu Kim I, bà Châu Thúy K, ông Châu A L, ông Châu Sác K, ông Châu Vô S, ông Châu Much Ta Ph, bà Châu Minh Th trong phạm vi di sản của bà H để lại phải liên đới trả cho bà Lai Thị M số tiền 2.302.600.000 đồng (hai tỷ ba trăm lẻ hai triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó, số tiền hội là 1.802.600.000 đồng (một tỷ tám trăm lẻ hai triệu sáu trăm nghìn đồng) và số tiền vay là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) nhưng lại không buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trịnh Huệ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong phạm vi di sản bà Trịnh Huệ H chết để lại là không phù hợp.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên xét xử phúc thẩm là có phần không phù hợp với quy định pháp luật cũng như nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không bị cải sửa có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm đối với số tiền buộc bị đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trả cho nguyên đơn nên sẽ điều chỉnh lại số tiền án phí các bên đương sự có nghĩa vụ chịu. Riêng ông Châu Minh P, bà Lai Thị M là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Châu Minh P và bà Châu Thúy K.

Sửa Bản án sơ thẩm số 31/2023/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lai Thị M về việc yêu cầu ông Châu Minh P và bà Trịnh Huệ H có nghĩa vụ trả số tiền 2.272.600.000 đồng (hai tỷ hai trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó, tiền hụi 1.722.600.000 đồng và tiền vay 500.000.000 đồng.

Buộc ông Châu Minh P và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Trịnh Huệ H gồm ông Châu Minh P, bà Châu Thúy A, bà Châu Kim I, bà Châu Thúy K, ông Châu A L, ông Châu Sác K, ông Châu Vô S, ông Châu Much Ta Ph, bà Châu Minh Th trong phạm vi di sản của bà H để lại phải liên đới trả cho bà Lai Thị M số tiền 2.272.600.000 đồng (hai tỷ hai trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó, tiền hụi 1.722.600.000 đồng và tiền vay 500.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lai Thị M yêu cầu ông Châu Minh P và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Trịnh Huệ H gồm ông Châu Minh P, bà Châu Thúy A, bà Châu Kim I, bà Châu Thúy K, ông Châu A L, ông Châu Sác K, ông Châu Vô S, ông Châu Much Ta Ph, bà Châu Minh Th phải trả số tiền 30.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lai Thị M về việc yêu cầu bà Châu Thúy K trả số tiền hụi 1.450.000.000đ (một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Buộc bà Châu Thúy K phải trả cho bà Lai Thị M số tiền 1.450.000.000đ (một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lai Thị M yêu cầu bà Châu Thúy K trả 400.000.000 đồng tiền vay.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Châu Thúy K phải chịu 55.500.000 đồng; ông Châu Minh P và bà Trịnh Huệ H phải chịu 77.452.000 đồng nhưng do bà Trịnh Huệ H chết, ông Châu Minh P được miễn án phí nên bà Châu Thúy A, bà Châu Kim I, bà Châu Thúy K, ông Châu A L, ông Châu Sác K, ông Châu Vô S, ông Châu Much Ta Ph, bà Châu Minh Th phải liên đới chịu án phí là 77.452.000 đồng trong phạm vi di sản của bà H để lại.

Bà Lai Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Lai Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước bằng 33.750.000 đồng theo biên lai thu số 0009571 ngày 22/5/2020 và số tiền 39.026.000 đồng theo biên lai thu số 0009572 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Châu Thúy K số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm

3000.000 đồng mà bà K đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0018389 ngày 11/10/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thu.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mến